

Bài 1 :

ÔN TẬP HÓA HỌC LỚP 8**A. KIẾN THỨC :****I./ Các khái niệm cơ bản :**

- Nguyên tử, phân tử, nguyên tố hóa học, đơn chất, hợp chất, nguyên tử khối, phân tử khối, khối lượng mol, tỉ khối

- Các loại phản ứng : hóa hợp, phân hủy, thế,.....

II./ Hóa tính của oxygen, hydrogen, nước:**1. Oxygen :**

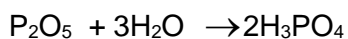
- $O_2 + \text{kim loại} \xrightarrow{t^o} \text{oxide kim loại(OB)}$
- $O_2 + \text{phi kim} \rightarrow \text{oxide phi kim(OA)}$
- $O_2 + \text{hợp chất} \xrightarrow{t^o} \dots$

2. Hidro:

- $H_2 + \text{oxide kim loại} \xrightarrow{t^o} \text{Kim loại} + H_2O$
- $2H_2 + O_2 \xrightarrow{t^o} 2H_2O$

3. Nước :

- $H_2O + \text{kim loại} \rightarrow \text{base} + H_2$
(K, Ba, Ca, Na, Li)
- $H_2O + \text{oxide acid} \rightarrow \text{Acid}$
($CO_2, SO_2, SO_3, N_2O_5, P_2O_5\dots$)



- $H_2O + \text{oxide base} \rightarrow \text{Base}$
($K_2O, BaO, CaO, Na_2O, \dots$)

**III./ Các loại hợp chất vô cơ :****1. Oxide :** A_xO_y

- Oxide acid ($CO_2, SO_2, SO_3, N_2O_5, P_2O_5\dots$)

- Oxide base (lưu ý : $K_2O, BaO, CaO, Na_2O, \dots$)

2. Acid: H_xX (X : gốc acid)

- Acid không có oxygen : HCl, $H_2S\dots$

- Acid có oxygen : $H_2SO_4, HNO_3\dots$

HÓA HỌC 9

3. Base : $M(OH)_n$ (M : Kim loại
n : Hóa trị của kim loại)
- Base tan(kiềm) : KOH, Ba(OH)₂, Ca(OH)₂, NaOH...
 - Base không tan : Fe(OH)₃, Cu(OH)₂.....
4. Muối : Kim loại- gốc acid
- Muối trung hòa : NaCl, CuSO₄, K₂CO₃.....
 - Muối acid : NaHCO₃, Ca(HSO₄)₂.....

IV./ Hóa trị cần nhớ:

- Kim loại :

I	K, Na, Ag.....
II
III	Al, Fe.....

- Gốc, nhóm :

I	-OH, -NO ₃ , -Cl.....
II	=SO ₄ , =CO ₃ , =SO ₃
III	≡PO ₄

V./ Các công thức tính toán cần nhớ :

1. Số mol (n):

- $n = \frac{V}{24,79}$ (khí, 25°C, 1bar)
- $n = \frac{m}{M}$
- $n = C_M \cdot V$ (Trong dd)

2. Khối lượng (m):

- $m = n \cdot M$
- $m_{ct} = \frac{m_{dd} \cdot C\%}{100\%}$
- $m = V \cdot D$
- $m_{dd} = \frac{m_{ct} \cdot 100\%}{C\%}$

3. Thể tích(V) :

- $V = n \cdot 24,79$ (khí, đktc)
- $V_{dd} = \frac{n}{C_M}$ (Dung dịch)

- $V_{dd} = \frac{m_{dd}}{D}$ (Dung dịch)

4. Nồng độ dung dịch :

- Nồng độ phần trăm (C%) :

$$C\% = \frac{m_{ct}}{m_{dd}} \cdot 100\%$$

- Nồng độ mol/lit (C_M) :

$$C_M = \frac{n}{V}$$

B. BÀI TẬP :

Bài 1

a/ Hãy phân loại các chất sau đây : NaCl, ZnO, HCl, Mg, KOH, SO₃, O₂, Cl₂, CO₂, KHCO₃, CaO, AgNO₃, Ba(OH)₂, Fe₂O₃, SO₂, BaCl₂, CuO, CaCO₃, H₂SO₄, Mg(OH)₂, Na₂O, Ca, BaSO₄, HNO₃, FeCl₃, H₂S, Al(NO₃)₃, NaOH, K₂O. Chúng thuộc kim loại, phi kim, oxide, acid, base, muối?

b/ Những chất nào tác dụng trực tiếp với nước ở điều kiện thường? viết PTHH

Bài 2 :

a/ Tính số mol H₂SO₄ trong 200ml dd H₂SO₄ có nồng độ 0,2 M

b/ Tính số mol NaOH có trong 150 gam dd NaOH nồng độ 12%

Bài 3 : Hòa tan hoàn toàn 5,4g Aluminium vào dd HCl 0,8M

- Viết PTHH. Tính thể tích khí sinh ra ở đktc?
- Tìm khối lượng muối tạo thành?
- Tính thể tích dd HCl cần dùng cho phản ứng trên?

Bài 4 : Hòa tan hoàn toàn một lượng bột magnesium vào 150ml dd HCl 0,6M

- Viết PTHH. Tính thể tích khí sinh ra ở đktc?
- Tìm khối lượng kim loại đã tham gia phản ứng?
- Tính số gam muối tạo thành?
(Al=27, Cl= 35,5, Mg=24)

CHƯƠNG I: CÁC LOẠI HỢP CHẤT VÔ CƠ**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM VỀ OXIDE – ACID – BASE – MUỐI**

Câu 1. Cho 2,479 lít khí CO_2 tác dụng vừa đủ với dung dịch barium hydroxide tạo barium carbonate và nước. Khối lượng barium carbonate tạo ra là:

- A. 9,85 gam. B. 19,7 gam. C. 39,4 gam. D. 29,55 gam.

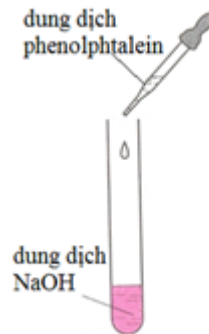
Câu 2. Sục khí SO_2 vào cốc đựng nước cất, cho quỳ tím vào dung dịch thu được, quỳ tím sẽ:

- A. chuyển màu đỏ. B. chuyển màu xanh. C. chuyển màu vàng. D. mất màu.

Câu 3. Dãy các chất nào sau đây tan trong nước?

- A. Al_2O_3 , CaO , P_2O_5 , CuO , CO_2 B. CuO , CaO , P_2O_5 , CO , CO_2
 C. Na_2O , CaO , P_2O_5 , SO_3 , SO_2 D. Fe_2O_3 , BaO , SO_3 , SO_2 , K_2O

Câu 4. Tiến hành thí nghiệm như hình vẽ dưới đây:



Dung dịch sau thí nghiệm chuyển từ không màu sang màu:

- A. tím. B. đỏ. C. hồng. D. xanh.

Câu 5. Cho m gam bột Fe(iron) vào dung dịch sulfuric acid loãng dư, phản ứng hoàn toàn tạo ra 7,437 lít khí hydrogen (đktc). Giá trị của m là:

- A. 16,8. B. 8,4 C. 11,2 D. 15,6

Câu 6. Ngâm một đinh sắt sạch trong dung dịch đồng(II) sunfat có màu xanh. Hiện tượng xảy ra là:

- A. Chỉ có màu xanh của dung dịch ban đầu nhạt dần.
 B. Chỉ một phần đinh sắt bị hoà tan.
 C. Kim loại đồng màu đỏ bám ngoài đinh sắt, đinh sắt không bị hoà tan.
 D. Một phần đinh sắt bị hoà tan, kim loại đồng màu đỏ bám ngoài đinh sắt, màu xanh của dung dịch ban đầu nhạt dần.

Câu 7. Oxide nào sau đây tác dụng với CO_2 tạo muối carbonate?

- A. BaO B. Fe_2O_3 C. Al_2O_3 D. CuO

Câu 8. Oxit nào sau đây là oxit bazơ?

HÓA HỌC 9

- A. P_2O_5 B. SO_2 C. CaO D. CO

Câu 9. Muối nào sau đây **không** điều chế từ oxide base và dung dịch acid?

- A. $CaSO_4$ B. $Mg(NO_3)_2$ C. $MgCO_3$ D. $MgSO_4$

Câu 10. Bazơ nào sau đây không tan trong nước?

- A. Kali hiđroxit B. Đồng(II) hiđroxit C. Bari hiđroxit D. Natri hiđroxit

Câu 11. Cho 8 gam copper(II) oxide phản ứng với dung dịch hydrochloric acid (HCl) lấy dư, sau khi phản ứng hoàn toàn dung dịch thu được có chứa m gam muối copper(II)chloride ($CuCl_2$). Giá trị của m là:

- A. 27. B. 15,3. C. 20,75. D. 13,5.

Câu 12. Oxit nào sau đây là oxit lưỡng tính?

- A. BaO B. Al_2O_3 C. SO_3 D. MgO

Câu 13. Khí CO thường được dùng làm chất đốt trong công nghiệp. Một loại khí CO có lẫn tạp chất CO_2 , SO_2 . Hoá chất rẻ tiền nào sau đây có thể loại bỏ những tạp chất trên ra khỏi CO?

- A. H_2O cất. B. dung dịch HCl. C. dung dịch nước vôi trong D. dung dịch xút.

Câu 14. Cặp chất nào sau đây khi phản ứng chỉ tạo muối và nước?

- A. Dung dịch natri hiđroxit và dung dịch sắt (II) clorua.
B. Dung dịch natri cacbonat và dung dịch bari clorua.
C. Dung dịch natri cacbonat và dung dịch axit clohiđric.
D. Dung dịch natri hiđroxit và dung dịch natri hiđrocacbonat.

Câu 15. Dung dịch nào sau đây có pH > 7?

- A. Dung dịch natri clorua B. Dung dịch canxi clorua.
C. Dung dịch axit sunfuric D. Dung dịch nước vôi trong.

Câu 16. Phản ứng giữa cặp chất nào sau đây không xảy ra?

- A. Dung dịch bari hiđroxit và dung dịch axit clohiđric
B. Dung dịch đồng (II) sunfat và dung dịch natri hiđroxit
C. Dung dịch natri cacbonat và dung dịch kali clorua
D. Dung dịch bari clorua và dung dịch natri sunfat

Câu 17. Phản ứng giữa cặp chất nào sau đây tạo ra sản phẩm có chất khí?

- A. Dung dịch natri hiđroxit và dung dịch axit sunfuric
B. Dung dịch natri cacbonat và dung dịch bari hiđroxit
C. Dung dịch bari clorua và dung dịch natri sunfat
D. Dung dịch natri sunfit và dung dịch axit clohiđric

HÓA HỌC 9

Câu 18. Phản ứng giữa sulfuric acid và potassium hydroxide (KOH) là phản ứng

- A. thế. B. trung hoà. C. phân huỷ. D. hoá hợp.

Câu 19. Dung dịch đồng (II) clorua tác dụng được với dung dịch:

- A. axit clohidric. B. natri sunfat.
C. bari nitrat. D. kali hiđroxit.

Câu 20. Oxit nào sau đây không được điều chế bằng phản ứng phân huỷ?

- A. Na_2O B. CO_2 C. SO_2 D. CaO

Câu 21. Cho các chất sau: đồng (II) hiđroxit, natri hiđroxit, bari hiđroxit, kali hiđroxit. Chất bị nhiệt phân huỷ tạo thành oxit là:

- A. bari hiđroxit. B. đồng (II) hiđroxit.
C. kali hiđroxit. D. natri hiđroxit.

Câu 22. Cho hai dung dịch sodium sulfate (Na_2SO_4) và sodium sulfite (Na_2SO_3) đều trong suốt không màu. Thuốc thử dùng phân biệt hai dung dịch trên là:

- A. dung dịch sodium hydroxide(NaOH). B. dung dịch sodium chloride (NaCl).
C. dung dịch hydrochloric acid (HCl). D. dung dịch barium chloride (BaCl_2).

Câu 23. Quỳ tím chuyển đỏ khi cho vào dung dịch:

- A. nước vôi trong. B. Sulfuric acid.
C. sodium hydroxide(NaOH). D. Potassium hydroxide(KOH)

Câu 24. Oxide nào sau đây là oxide trung tính?

- A. CaO B. CO_2 C. SO_2 D. CO

Câu 25. Cho các chất: CuO , Cu , Mg , MgO . Chất tác dụng được với dung dịch hydrochloric acid (HCl) tạo dung dịch màu xanh là:

- A. CuO . B. MgO . C. Mg . D. Cu

Câu 26. CaO có tên gọi thông thường là:

- A. vôi bột. B. vôi tôi. C. vôi sống. D. sữa vôi.

Câu 27. Acid tương ứng với sulfur dioxide (SO_2) có công thức là:

- A. H_2SO_3 . B. H_2SO_4 C. H_2S . D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 28. Cho hai dung dịch hydrochloric acid (HCl) và axit sulfuric acid(H_2SO_4) loãng. Thuốc thử dùng để phân biệt hai dung dịch trên là:

- A. dung dịch NaOH . B. $\text{Fe}(\text{OH})_2$
C. dung dịch BaCl_2 . D. dung dịch Na_2CO_3

Câu 29. Oxide nào sau đây là oxide acid?

HÓA HỌC 9

- A. 50 gam B. 40 gam C. 60 gam D. 73 gam

Câu 48. Cặp chất tác dụng với nhau sẽ tạo ra khí SO_2 là:

- A. CaCO_3 và HCl
B. Na_2SO_3 và H_2SO_4
C. CuCl_2 và KOH
D. K_2CO_3 và HNO_3

Câu 49. Muốn pha loãng H_2SO_4 đặc ta phải:

- A. Rót nước vào acid đặc.
B. Rót từ từ nước vào acid đặc.
C. Rót nhanh acid đặc vào nước.
D. Rót từ từ acid đặc vào nước, khuấy nhẹ

Câu 50. Hòa tan 2,4 gam oxit của một kim loại hóa trị II vào 21,9 gam dung dịch HCl 10% thì vừa đủ . Oxit đó là:

- A. CuO B. CaO C. MgO D. FeO

Câu 51. Oxit nào sau đây khi tác dụng với nước tạo ra dung dịch có $\text{pH} > 7$?

- A. CO_2 B. SO_2 C. CaO D. P_2O_5

Câu 52. Để điều chế muối clorua, ta chọn những cặp chất nào sau đây ?

- A. Na_2SO_4 , KCl . B. HCl , Na_2SO_4 .
C. H_2SO_4 , BaCl_2 . D. AgNO_3 , HCl .

Câu 53. Để nhận biết 3 khí không màu: SO_2 , O_2 , H_2 đựng trong 3 lọ mất nhãn ta dùng:

- A . Giấy quỳ tím ẩm
B . Giấy quỳ tím ẩm và dùng que đóm cháy dở còn tàn đỏ
C . Than hồng trên que đóm
D . Dẫn các khí vào nước vôi trong

Câu 54. Chất nào sau đây góp phần nhiều nhất vào sự hình thành mưa axit ?

- A . CO_2 B. SO_2 C. N_2 D. O_3

Câu 55. Cho 21 gam MgCO_3 tác dụng với một lượng vừa đủ dung dịch HCl 2M.

Thể tích dung dịch HCl đã dùng là:

- A. 2,5 lít B. 0,25 lít C. 3,5 lít D. 1,5 lít

Câu 56. Cho phản ứng: $\text{BaSO}_3 + 2\text{X} \rightarrow \text{H}_2\text{O} + \text{Y} + \text{SO}_2$

X và Y lần lượt là:

- A. H_2SO_4 và BaSO_4

HÓA HỌC 9

B. HCl và BaCl₂

C. HCl và BaSO₄

D. H₂SO₄ và BaCl₂

Câu 57. Chất khí góp phần lớn gây mưa acid :

A. N₂

B. CO₂

C. CO

D. SO₂

Câu 58. Trong hơi thở, Chất khí làm đục nước vôi trong là:

A. SO₂

B. CO₂

C. NO₂

D. SO₃

Câu 59. Dãy các chất tác dụng với lưu huỳnh SO₂ là:

A. Na₂O, CO₂, NaOH, Ca(OH)₂

B. CaO, K₂O, KOH, Ca(OH)₂

C. HCl, Na₂O, Fe₂O₃, Fe(OH)₃

D. Na₂O, CuO, SO₃, CO₂

Câu 60. Chất làm quỳ tím ẩm chuyển sang màu đỏ là:

A. MgO

B. CaO

C. SO₂

D. K₂O

Câu 61. Dãy các chất tác dụng được với nước tạo ra dung dịch bazơ là:

A. MgO, K₂O, CuO, Na₂O

B. CaO, Fe₂O₃, K₂O, BaO

C. CaO, K₂O, BaO, Na₂O

D. Li₂O, K₂O, CuO, Na₂O

Câu 62. Dung dịch được tạo thành từ lưu huỳnh đioxit với nước có :

A. pH = 7

B. pH > 7

C. pH < 7

D. pH = 8

Câu 63. Cho các oxit : Na₂O, CO, CaO, P₂O₅, SO₂. Có bao nhiêu cặp chất tác dụng được với nhau ?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 64. Dãy oxit tác dụng với dung dịch H₂SO₄ loãng là:

A. MgO, Fe₂O₃, SO₂, CuO.

B. Fe₂O₃, MgO, P₂O₅, K₂O.

C. MgO, Fe₂O₃, CuO, K₂O.

D. MgO, Fe₂O₃, SO₂, P₂O₅.

Câu 65. Dãy các chất **không** tác dụng được với dung dịch HCl là:

A. Al, Fe, Mg.

HÓA HỌC 9

- B. Al_2O_3 , Fe_2O_3 , Na_2O .
- C. $\text{Al}(\text{OH})_3$, $\text{Fe}(\text{OH})_3$, $\text{Cu}(\text{OH})_2$.
- D. BaCl_2 , Na_2SO_4 , CuSO_4 .

Câu 66. CuO tác dụng với dung dịch H_2SO_4 tạo thành:

- A. Dung dịch không màu.
- B. Dung dịch có màu lục nhạt.
- C. Dung dịch có màu xanh lam.
- D. Dung dịch có màu vàng nâu.

Câu 67. Cặp chất tác dụng với nhau tạo thành muối và nước:

- A. Mg và dung dịch H_2SO_4
- B. MgO và dung dịch H_2SO_4
- C. $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$ và dung dịch NaOH
- D. Magie clorua và natri clorua

Câu 68. Cặp chất tác dụng với nhau tạo thành sản phẩm có chất khí:

- A. BaO và H_2SO_4 loãng
- B. $\text{Ba}(\text{O})_2$ và H_2SO_4 loãng
- C. Bari cacbonat và axit sunfuric loãng
- D. BaCl_2 và H_2SO_4 loãng

Câu 69. Zinc (Zn) tác dụng với dung dịch hydrochloric acid (HCl) sinh ra:

- A. Dung dịch có màu xanh lam và chất khí màu nâu.
- B. Dung dịch không màu và chất khí có mùi hắc.
- C. Dung dịch có màu vàng nâu và chất khí không màu
- D. Dung dịch không màu và chất khí cháy được trong không khí.

Câu 70. Chất phản ứng được với dung dịch HCl tạo ra một chất khí có mùi hắc, nặng hơn không khí và làm đục nước vôi trong:

- A. Zn
- B. Na_2SO_3
- C. FeS
- D. Na_2CO_3

Câu 71. Nhóm chất tác dụng với dung dịch H_2SO_4 loãng sinh ra chất kết tủa màu trắng:

- A. ZnO , BaCl_2
- B. CuO , BaCl_2
- C. BaCl_2 , $\text{Ba}(\text{OH})_2$
- D. $\text{Ba}(\text{OH})_2$, ZnO

HÓA HỌC 9

Câu 72. Dãy các chất tác dụng được với dung dịch H_2SO_4 loãng tạo thành sản phẩm có chất khí:

- A. BaO , Fe , $CaCO_3$
- B. Al , MgO , KOH
- C. Na_2SO_3 , $CaCO_3$, Zn
- D. Zn , Fe_2O_3 , Na_2SO_3

Câu 73. Có 4 ống nghiệm đựng các dung dịch: $Ba(NO_3)_2$, KOH , HCl , $(NH_4)_2CO_3$. Dùng thêm hóa chất nào sau đây để nhận biết được chúng ?

- A. Quỳ tím
- B. Dung dịch phenolphtalein
- C. CO_2
- D. Dung dịch $NaOH$

Câu 74. Thuốc thử dùng để nhận biết 3 dung dịch : HCl , HNO_3 , H_2SO_4 đựng trong 3 lọ khác nhau đã mất nhãn. Các thuốc thử dùng để nhận biết được chúng là:

- A. Dung dịch $AgNO_3$ và giấy quỳ tím.
- B. Dung dịch $BaCl_2$ và dung dịch $AgNO_3$
- C. Dung quỳ tím và dung dịch $NaOH$
- D. Dung dịch $BaCl_2$ và dung dịch phenolphtalein.

Câu 75. Có 3 lọ mất nhãn đựng riêng biệt 3 dung dịch của 3 chất: HCl , Na_2SO_4 , $NaOH$. Chỉ dùng một hóa chất nào sau đây để phân biệt chúng ?

- A. Dung dịch $BaCl_2$
- B. Quỳ tím
- C. Dung dịch $Ba(OH)_2$
- D. Zn

Câu 76. Kim loại X tác dụng với HCl sinh ra khí hiđro. Dẫn khí hiđro qua oxit của kim loại Y đun nóng thì thu được kim loại Y. Hai kim loại X và Y lần lượt là:

- A. Cu , Ca
- B. Pb , Cu
- C. Pb , Ca
- D. Ag , Cu

Câu 77. Khi cho từ từ dung dịch $NaOH$ cho đến dư vào ống nghiệm đựng dung dịch hỗn hợp gồm HCl và một ít phenolphtalein. Hiện tượng quan sát được trong ống nghiệm là:

- A. Màu đỏ mất dần.
- B. Không có sự thay đổi màu
- C. Màu đỏ từ từ xuất hiện.
- D. Màu xanh từ từ xuất hiện.

Câu 78. Cho một mẫu giấy quỳ tím vào dung dịch $NaOH$. Thêm từ từ dung dịch HCl vào cho đến dư ta thấy màu giấy quỳ:

- A. Màu đỏ không thay đổi
- B. Màu đỏ chuyển dần sang xanh.
- C. Màu xanh không thay đổi
- D. Màu xanh chuyển dần sang đỏ.

HÓA HỌC 9

Câu 79. Cho 300ml dung dịch HCl 1M vào 300ml dung dịch NaOH 0,5M. Nếu cho quì tím vào dung dịch sau phản ứng thì quì tím chuyển sang:

- A. Màu xanh.
- B. Không đổi màu.
- C. Màu đỏ.
- D. Màu vàng nhạt.

Câu 80. Cho 4,8 gam kim loại magie tác dụng vừa đủ với dung dịch axit sunfuric. Thể tích khí Hidro thu được ở đktc là:

- A. 44,8 lít
- B. 4,48 lít
- C. 4,958 lít
- D. 24,79 lít

Câu 81. Để trung hòa 112 gam dung dịch KOH 25% thì cần dùng bao nhiêu gam dung dịch axit sunfuric 4,9%:

- A. 400 g
- B. 500 g
- C. 420 g
- D. 570 g

Câu 82. Hòa tan hết 4,6 gam Na vào H₂O được dung dịch X. Thể tích dung dịch HCl 1M cần để phản ứng hết với dung dịch X là:

- A. 100 ml
- B. 200 ml
- C. 300 ml
- D. 400 ml

Câu 83. Trung hòa 200 ml dung dịch H₂SO₄ 1M bằng dung dịch NaOH 20%. Khối lượng dung dịch NaOH cần dùng là:

- A. 100 g
- B. 80 g
- C. 90 g
- D. 150 g

Câu 84: Cho phương trình phản ứng
 $\text{Na}_2\text{CO}_3 + 2\text{HCl} \longrightarrow 2\text{NaCl} + \text{X} + \text{H}_2\text{O}$

X là:

- A. CO
- B. CO₂
- C. H₂
- D. Cl₂

Câu 85: Xút ăn da là tên thông thường của:

- A. CaO
- B. Na₂O
- C. NaOH
- D. NaCl

Câu 86. Để làm sạch dung dịch copper (II) nitrate Cu(NO₃)₂ có lẫn tạp chất silver nitrate AgNO₃. Ta dùng kim loại:

- A. Mg
- B. Cu
- C. Fe
- D. Au

Câu 87 Các muối phản ứng được với dung dịch NaOH là:

- A. MgCl₂, CuSO₄
- B. BaCl₂, FeSO₄
- C. K₂SO₄, ZnCl₂
- D. KCl, NaNO₃

Câu 88: Các Cặp chất nào sau đây không xảy ra phản ứng ?

- 1. $\text{CaCl}_2 + \text{Na}_2\text{CO}_3 \longrightarrow$
- 2. $\text{CaCO}_3 + \text{NaCl} \longrightarrow$
- 3. $\text{NaOH} + \text{HCl} \longrightarrow$
- 4. $\text{NaOH} + \text{KCl} \longrightarrow$

- A. (1) và (2)
- B. (2) và (3)
- C. (3) và (4)
- D. (2) và (4)

